

Phụ lục 02: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Đánh giá thực trạng lĩnh vực chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030

I. Đánh giá thực trạng chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2025

Giai đoạn 2021–2025, ngành chăn nuôi tỉnh Hà Tĩnh phát triển trong bối cảnh có nhiều biến động bất lợi như dịch bệnh trên đàn vật nuôi, biến động mạnh của giá cả thị trường đầu vào - đầu ra, yêu cầu ngày càng cao về an toàn sinh học và bảo vệ môi trường. Tuy vậy, Chăn nuôi vẫn giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyên dịch theo hướng tập trung, hàng hóa và ổn định sinh kế cho người dân nông thôn.

1. Giá trị sản xuất, giá trị gia tăng, giá trị các sản phẩm trong nội ngành chăn nuôi; tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp

Giai đoạn 2021 - 2025, giá trị sản xuất chăn nuôi duy trì xu hướng tăng; cụ thể, GTSX (theo giá so sánh) tăng từ 4.883,29 tỷ đồng năm 2021 lên 5.362,13 tỷ đồng năm 2025, bình quân tăng 2,0%/năm, cao nhất năm 2024 đạt 4,6%. Trong cơ cấu toàn ngành nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản) tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi có xu hướng giảm nhẹ từ 42,53% năm 2021 xuống 39,22% vào năm 2025. Trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp chăn nuôi duy trì tỷ trọng trên 50%; cho thấy chăn nuôi tiếp tục là lĩnh vực quan trọng của ngành nông nghiệp.

Cơ cấu nội ngành chăn nuôi có sự chuyển dịch rõ nét: chăn nuôi lợn vẫn giữ vai trò chủ lực nhưng giảm từ 52,9% xuống 46,3%; gia cầm tăng nhanh từ 29,3% lên 37,6%; trâu, bò giảm từ 11% xuống 8,9% do hiệu quả kinh tế giảm và diện tích chăn thả thu hẹp; hươu sao duy trì trên 2,5%, là ngành hàng đặc thù có giá trị kinh tế cao; nhóm vật nuôi khác chiếm khoảng 1,5%.

Nhìn chung, cơ cấu giá trị sản xuất nội ngành chăn nuôi giai đoạn 2021–2025 thể hiện rõ vai trò chủ đạo của chăn nuôi lợn và gia cầm, phản ánh xu hướng phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa, gắn với thị trường.

2. Thực trạng chăn nuôi gia súc, gia cầm và các đối tượng nuôi khác

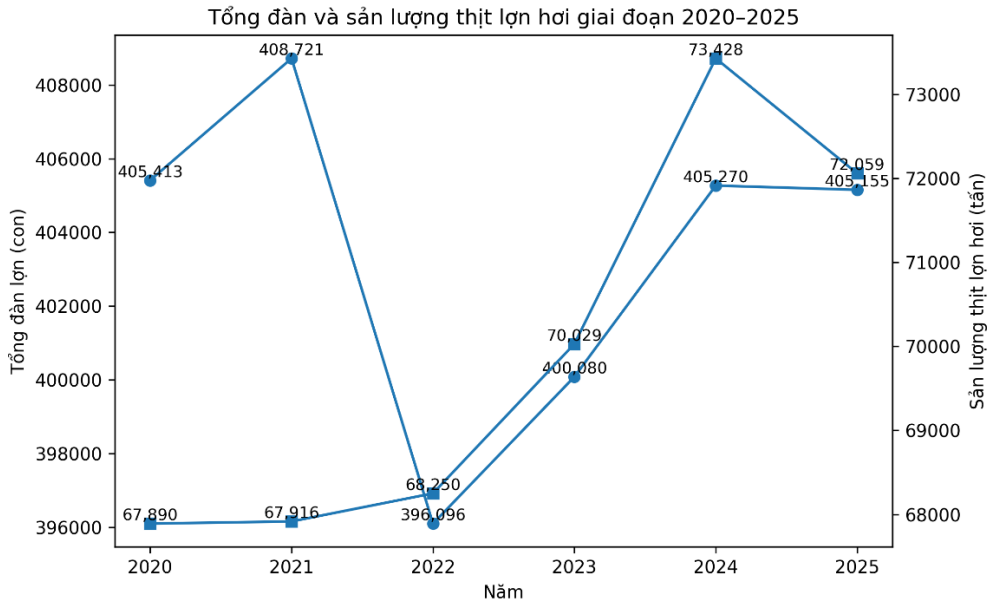
2.1. Chăn nuôi lợn:

Giai đoạn 2021–2025, chăn nuôi lợn tiếp tục giữ vai trò ngành hàng chủ lực của chăn nuôi.

- Tổng đàn: Quy mô đàn có biến động nhưng nhìn chung ổn định quanh mức 400.000 con; năm 2020 đàn lợn 405.113 con giảm xuống 396.096 con năm 2022 do chịu tác động kéo dài của dịch bệnh, chi phí thức ăn chăn nuôi tăng cao và tâm lý thận trọng của người chăn nuôi. Từ năm 2023, đàn lợn phục hồi và tăng nhẹ đạt 405.155 con năm 2025.

- Sản lượng: Cùng với sự ổn định về quy mô đàn, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng tăng từ 67.890 tấn năm 2020 lên 72.059 tấn năm 2025, bình quân tăng khoảng 1,2%/năm, cho thấy năng suất và hiệu quả chăn nuôi từng bước

được cải thiện nhờ ứng dụng giống năng suất cao và các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi.



- Chất lượng đàn lợn tiếp tục được nâng cao, nhất là trong khu vực chăn nuôi trang trại khi 100% trang trại sử dụng các giống lợn ngoại năng suất cao; hiện nay, tỷ lệ đàn lợn nái ngoại chiếm gần 65% tổng đàn nái; các giống lợn ngoại và các tổ hợp lai được sản xuất đại trà gồm Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain, PiDu. Nhờ đó nâng cao năng suất, tỷ lệ nạc và hiệu quả sản xuất, tăng khối lượng xuất chuồng bình quân từ 77kg/con năm 2021 lên 87kg/con năm 2025.

- Giống lợn: Toàn tỉnh có 38 cơ sở sản xuất giống lợn quy mô lớn và vừa, tổng đàn gần 20.000 con lợn nái ngoại (trong đó lợn nái cấp cụ kỵ 40 con, cấp ông bà 1.382 con, lợn nái cấp bố mẹ 18.618 con), sản xuất khoảng 520.000 con lợn giống/năm; ngoài ra có gần 25.000 con lợn nái nuôi tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu phục vụ sản xuất giống lợn thương phẩm tại chỗ. Nhìn chung, hệ thống sản xuất giống lợn được đầu tư phát triển khá đồng bộ, đáp ứng được nhu cầu con giống phục vụ chăn nuôi lợn trên địa bàn và cung ứng ra ngoài tỉnh.

- Về hình thức tổ chức sản xuất:

+ Chăn nuôi trang trại giữ vai trò chủ đạo, toàn tỉnh có 277 trang trại chăn nuôi lợn, với tổng đàn gần 275.000 con, chiếm gần 70% tổng đàn lợn; các trang trại tập trung chủ yếu tại các xã: Cẩm Lạc, Sơn Kim 1, Trường Lưu, Toàn Lưu, Sơn Tây, Thượng Đức, Đức Đồng.

Chăn nuôi nông hộ tiếp tục giảm mạnh sau các đợt dịch tả lợn châu Phi, hiện chiếm khoảng 30% tổng đàn so với trên 42% ở giai đoạn trước, phản ánh sự chuyển dịch sang chăn nuôi tập trung, an toàn hơn.

+ Chăn nuôi lợn liên kết với doanh nghiệp được duy trì phát triển, với 157 trang trại liên kết, tổng đàn hơn 200.000 con, chiếm gần 50% tổng đàn lợn, góp

phần ổn định đầu ra và nâng cao trình độ quản lý. Tuy nhiên, liên kết chủ yếu vẫn theo hình thức nuôi gia công, người chăn nuôi chưa làm chủ được giống, thức ăn và thị trường tiêu thụ, giá trị gia tăng cao nhất vẫn nằm ngoài địa bàn tỉnh. Điều này cho thấy quá trình chuyển dịch chăn nuôi lợn giai đoạn 2021–2025 mới đạt kết quả về quy mô và năng suất, trong khi hiệu quả kinh tế theo chiều sâu và khả năng làm chủ chuỗi giá trị còn hạn chế.

+ Bên cạnh đó, đã xây dựng được 46 mô hình với tổng đàn khoảng 700 con theo hướng hữu cơ liên kết với Công ty CP Tập đoàn Quế Lâm; Hình thành 11 chuỗi cửa hàng tiêu thụ sản phẩm, góp phần từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ. Ngoài ra, xây dựng 38 cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học, không tiếp xúc, an toàn dịch bệnh, VietGAHP, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng tới phát triển bền vững.

Bước đầu mô hình chăn nuôi theo hướng hữu cơ cho thấy một số hiệu quả:

+ Về hiệu quả kinh tế: bước đầu cho thấy ổn định, chăn nuôi lợn thịt lợi nhuận đạt gần 1,3 triệu đồng/con, giá bán sản phẩm cao hơn chăn nuôi thông thường; thu nhập của người chăn nuôi được cải thiện, giảm rủi ro do biến động thị trường.

+ Về môi trường: chất thải chăn nuôi được xử lý thông qua quy trình sinh học, độn lót, tái sử dụng làm phân bón hữu cơ, góp phần giảm ô nhiễm môi trường nông thôn, phù hợp định hướng phát triển nông nghiệp xanh.

+ Về dịch bệnh: tỷ lệ mắc bệnh thấp hơn so với chăn nuôi truyền thống; chi phí thú y, thuốc kháng sinh được giảm đáng kể.

+ Về tổ chức sản xuất: chăn nuôi hữu cơ đã thúc đẩy liên kết giữa nông hộ – hợp tác xã - doanh nghiệp, từng bước hình thành chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ.

- Phân bố: Đàn lợn được phân bố trên toàn bộ các xã, phường, song có sự tập trung rõ nét tại một số địa phương, vùng có điều kiện thuận lợi về quỹ đất, xa khu dân cư, hạ tầng chăn nuôi, có lợi thế phát triển trang trại như Cẩm Lạc, Sơn Kim 1, Sơn Tây, Thượng Đức, Trường Lưu, Toàn Lưu, Đồng Lộc; tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý dịch bệnh, kiểm soát môi trường và tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, quy mô lớn.

Nhìn chung, giai đoạn 2021–2025, chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh ổn định và chuyển dịch rõ theo hướng tập trung, hàng hóa, với vai trò ngày càng lớn của chăn nuôi trang trại và chăn nuôi liên kết.

2.2. Chăn nuôi trâu, bò:

- Giai đoạn 2021-2025, chăn nuôi trâu, bò có xu hướng giảm dần về quy mô đàn nhưng từng bước nâng cao chất lượng, phản ánh chuyển dịch cơ cấu trong chăn nuôi theo hướng sàng lọc các hình thức sản xuất kém hiệu quả.

- Tổng đàn: Chăn nuôi trâu, bò có xu hướng giảm dần về quy mô đàn nhưng nâng cao năng suất, chất lượng. Tổng đàn bò giảm từ 168.987 con xuống

129.125 con; đàn trâu giảm từ 67.189 con xuống 47.610 con. Xu hướng này phản ánh sự thay đổi vai trò của trâu, bò trong sản xuất nông nghiệp khi cơ giới hóa phát triển mạnh, trong khi chăn nuôi trâu, bò thịt chưa được tổ chức theo hướng sản xuất hàng hóa và chưa tạo được lợi thế cạnh tranh rõ rệt.

- Sản lượng: Mặc dù tổng đàn giảm, sản lượng thịt hơi xuất chuồng vẫn được duy trì ổn định và tăng nhẹ nhờ cải thiện năng suất. Sản lượng thịt bò tăng từ 9.815 tấn lên 9.925 tấn năm 2025; sản lượng thịt trâu tăng từ 3.660 tấn lên 3.779 tấn. Điều này cho thấy hiệu quả chăn nuôi từng bước được nâng lên thông qua cải thiện giống và kỹ thuật nuôi dưỡng.

- Chất lượng đàn bò được cải thiện rõ thông qua công tác lai tạo giống ứng dụng, ứng dụng thụ tinh nhân tạo và sự thay đổi nhận thức của người chăn nuôi trong việc lựa chọn, đầu tư con giống. Tỷ lệ bò lai Zebu tăng liên tục từ 53% năm 2020 lên 65% năm 2025, nâng cao khả năng sinh trưởng, tăng trọng và giá trị thương phẩm; Các địa phương có tỷ lệ bò lai cao (trên 75%) như Đức Quang, Đức Thọ, Vũ Quang, Kim Hoa, Tứ Mỹ, Sơn Tiến, Tùng Lộc, Lộc Hà, Mai Phụ,...

- Giống bò: Hiện nay chưa có cơ sở sản xuất, nhân giống; tuy vậy trong những năm qua tỉnh đã thực hiện hiệu quả chương trình cải tạo và phát triển đàn bò thịt chất lượng cao, sử dụng tinh các giống bò thịt chất lượng cao trên thế giới như Zebu, Charolais, Droughtmaster, BBB, Red Angus để cải tạo tầm vóc và năng suất đàn bò vàng Việt Nam, đến nay tỷ lệ bò lai đạt trên 65% tổng đàn bò; nhờ đó tạo được đàn bò lai chuyên thịt, có tính thích nghi cao, tốc độ tăng trọng nhanh, tỷ lệ thịt xẻ cao (bò lai 3B 18 tháng tuổi đạt từ 500 - 600 kg/con, bò lai Red angus 18 tháng tuổi đạt từ 450 - 500kg/con).

Mặc dù chương trình cải tạo đàn bò triển khai khá hiệu quả, song công tác chọn lọc, nuôi giữ đàn bò cái nền trong dân còn hạn chế; chất lượng bò nền chưa đồng đều, làm giảm hiệu quả cải tạo giống và tính bền vững lâu dài của chương trình nâng cao chất lượng đàn bò.

- Hình thức tổ chức sản xuất: Chăn nuôi trâu, bò hiện vẫn chủ yếu theo hình thức nông hộ, quy mô nhỏ. Các mô hình chăn nuôi bò hàng hóa, trang trại tập trung còn ít. Trên địa bàn duy trì ổn định Trang trại chăn nuôi bò sữa thuộc công ty CP sữa Việt Nam Vinamilk quy mô 2.000 con tại xã Sơn Tiến; sản lượng sữa bình quân đạt gần 10.000 tấn/năm.

- Phân bố: Đàn bò tập trung chủ yếu tại các địa phương có lợi thế về quỹ đất, gò đồi và bãi chăn thả như Đồng Lộc, Sơn Tiến, Đức Đông, Cẩm Lạc, Mai Hoa, Kim Hoa, Toàn Lưu, Xuân Lộc, Gia Hạnh, Hương Bình, Hương Phố, Hương Xuân. Các địa bàn này chủ yếu thuộc khu vực trung du, miền núi và bán sơn địa, thuận lợi cho phát triển chăn nuôi bò gắn với điều kiện sinh thái.

Nhìn chung, giai đoạn 2021-2025, chăn nuôi trâu, bò đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng giảm dần quy mô đàn, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất, nhất là đối với chăn nuôi bò.

2.3. Chăn nuôi hươu:

Giai đoạn 2021–2025, chăn nuôi hươu sao trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục, khẳng định là lĩnh vực chăn nuôi có lợi thế lớn, gắn với sản phẩm đặc sản, tạo ra giá trị kinh tế cao và có tiềm năng phát triển.

- Tổng đàn hươu tăng nhanh qua các năm từ 37.781 con năm 2020 lên 52.883 con năm 2025, bình quân giai đoạn tăng 6,6%/năm. Tổng đàn hươu của tỉnh chiếm khoảng 60% tổng đàn hươu cả nước, khẳng định vị trí trung tâm chăn nuôi hươu sao lớn nhất cả nước, là lợi thế lớn của tỉnh trong việc định hình thị trường, xây dựng thương hiệu và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm từ hươu.

- Sản lượng nhung hươu tăng mạnh và ổn định, từ 16,5 tấn năm 2020 lên 27 tấn năm 2025, bình quân giai đoạn tăng khoảng 10,4%/năm. Tốc độ tăng sản lượng nhung cao hơn tốc độ tăng đàn cho thấy năng suất nhung trên mỗi con hươu được nâng lên, phản ánh xu hướng chăn nuôi hươu chuyển dịch theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và đầu tư chiều sâu, gắn với chọn lọc giống và cải thiện kỹ thuật nuôi dưỡng, thay vì chỉ gia tăng số lượng đàn. Nhung hươu là sản phẩm có giá trị kinh tế cao, do đó sự gia tăng sản lượng đã góp phần quan trọng nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

- Giống hươu: Công tác giống hươu chủ yếu do người dân tự nuôi giữ, chọn lọc và nhân giống dựa trên kinh nghiệm; việc trao đổi, đảo hươu đực giữa các hộ hoặc gửi hươu cái được áp dụng để hạn chế đồng huyết. Giai đoạn 2022–2023, tỉnh đã bình tuyển 200 con hươu đực giống đạt tiêu chuẩn phục vụ nhân giống. Tuy nhiên, trên địa bàn chưa có cơ sở sản xuất giống hươu tập trung; công tác quản lý giống, tiêu chuẩn giống và theo dõi phả hệ, năng suất sinh sản còn hạn chế.

- Chăn nuôi hươu tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa cao hơn gắn với việc xây dựng phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP, đến nay có 19 sản phẩm từ nhung hươu đạt chứng nhận OCOP 3, 4 sao; có 03 cơ sở quy mô trên 100 con; 12 cơ sở quy mô trên 50 con.

Năm 2008, nhãn hiệu “Hươu giống và nhung hươu Hương Sơn” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu; đến năm 2019, nhung hươu Hương Sơn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao giá trị, xây dựng thương hiệu và phát triển ngành hàng hươu sao theo chuỗi giá trị.

- Sơ chế, chế biến nhung hươu: Nhung hươu là sản phẩm đặc sản có giá trị kinh tế cao của tỉnh. Ước khoảng 65–70% sản lượng nhung được sơ chế và bảo quản lạnh; 20–25% tiêu thụ dưới dạng nhung tươi; khoảng 10–15% được chế biến thành các sản phẩm như nhung sấy khô, bột nhung, rượu nhung hươu, nhung hươu mật ong, cao nhung hươu. Toàn tỉnh đã có 9 cơ sở với 19 sản phẩm chế biến từ nhung hươu được chứng nhận sản phẩm OCOP, góp phần nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm.

- Chăn nuôi hươu sao trên địa bàn tỉnh phân bố tập trung, không phát triển dàn trải. Các vùng nuôi hươu trọng điểm chủ yếu nằm tại các xã thuộc huyện Hương Sơn cũ (khoảng 89% tổng đàn) và một số xã thuộc huyện Hương Khê và

Vũ Quang (cũ). Đây là những địa phương có điều kiện tự nhiên phù hợp với sinh trưởng của hươu sao, đồng thời có truyền thống chăn nuôi lâu đời và kinh nghiệm tích lũy qua nhiều thế hệ.

Nhìn chung, giai đoạn 2021–2025, chăn nuôi hươu sao có tốc độ tăng trưởng nhanh và ổn định, cả về quy mô đàn và sản lượng nhung, khẳng định đây là ngành chăn nuôi đặc thù, có lợi thế nổi trội và vai trò quan trọng trong cơ cấu chăn nuôi của tỉnh. Việc phát triển chăn nuôi hươu gắn với xây dựng thương hiệu, sản phẩm OCOP và chế biến sâu đã mở ra hướng đi phù hợp, nâng cao giá trị kinh tế và thu nhập cho người dân.

2.4. Chăn nuôi gia cầm:

Giai đoạn 2021–2025, chăn nuôi gia cầm tiếp tục là một trong những ngành hàng quan trọng của ngành chăn nuôi tỉnh Hà Tĩnh, góp phần đảm bảo an ninh thực phẩm, đa dạng hóa sản phẩm và giảm thiểu rủi ro chung cho ngành chăn nuôi, đặc biệt trong bối cảnh các ngành hàng khác chịu tác động mạnh của dịch bệnh và biến động thị trường. Với đặc điểm chu kỳ nuôi ngắn, khả năng phục hồi nhanh và linh hoạt trong điều chỉnh quy mô theo tín hiệu thị trường, chăn nuôi gia cầm đóng vai trò quan trọng trong việc giữ ổn định sản xuất và sinh kế cho người chăn nuôi.

- Trong giai đoạn này, chăn nuôi gia cầm duy trì quy mô đàn tương đối ổn định, dao động quanh mức 10 triệu con. Tổng đàn gia cầm năm 2020 đạt 10,086 triệu con và năm 2025 đạt 9,913 triệu con, có biến động nhẹ giữa các năm. Biến động quy mô đàn chủ yếu chịu tác động của giá thức ăn chăn nuôi, thị trường tiêu thụ; tuy nhiên, nhìn chung quy mô đàn vẫn được duy trì ở mức cao và ổn định. Điều này cho thấy chăn nuôi gia cầm đã chuyển từ giai đoạn tăng trưởng theo chiều rộng sang ổn định quy mô, tạo nền tảng cho nâng cao hiệu quả và chất lượng sản xuất.

- Cùng với sự ổn định về quy mô đàn, sản lượng gia cầm tăng rõ rệt, phản ánh xu hướng nâng cao hiệu quả sản xuất. Sản lượng thịt gia cầm tăng từ 23.726 tấn năm 2020 lên 29.417 tấn năm 2025, bình quân giai đoạn tăng khoảng 4,4%/năm – mức tăng trưởng khá trong bối cảnh quy mô đàn không tăng và chi phí đầu vào biến động mạnh. Tốc độ tăng sản lượng cao hơn tốc độ tăng đàn cho thấy năng suất chăn nuôi, hệ số quay vòng đàn và kỹ thuật chăn nuôi được cải thiện, gắn với việc sử dụng giống gia cầm năng suất cao, rút ngắn thời gian nuôi và mở rộng các hình thức chăn nuôi bán công nghiệp, công nghiệp. Sản lượng trứng gia cầm tăng ổn định từ 339,4 triệu quả năm 2020 lên 376,5 triệu quả năm 2025, bình quân giai đoạn tăng 2,1%/năm.

- Giống gia cầm: hiện chưa có cơ sở sản xuất giống; con giống chủ yếu được người dân tự áp nử quy mô nhỏ hoặc nhập từ các tỉnh ngoài như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang, Bình Định cũ.... Hàng năm nhu cầu giống gà trên địa bàn khoảng 15-16 triệu con, việc phụ thuộc lớn vào nguồn giống ngoại tỉnh khiến chất lượng con giống không đồng đều, khó kiểm soát nguồn gốc, tiềm ẩn rủi ro

dịch bệnh và làm giảm tính chủ động trong phát triển chăn nuôi gia cầm hàng hóa.

- Về hình thức tổ chức sản xuất, chăn nuôi gia cầm nông hộ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trên 80%, đóng vai trò quan trọng trong duy trì tổng đàn và ổn định nguồn cung thực phẩm. Bên cạnh đó, chăn nuôi gia cầm theo hình thức trang trại, công nghiệp và liên kết với doanh nghiệp đã từng bước hình thành và phát triển. Toàn tỉnh hiện có 47 trang trại chăn nuôi gà theo hình thức công nghiệp, liên kết với doanh nghiệp, với quy mô gần 775.000 con. Mặc dù số lượng trang trại chưa nhiều, song khu vực này đóng góp tỷ trọng đáng kể (khoảng 26,3%) vào sản lượng thịt gia cầm, nhờ mật độ nuôi cao, hệ số quay vòng đàn lớn và thời gian nuôi ngắn; đồng thời là khu vực thực hiện tốt việc áp dụng an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh và tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại.

Bên cạnh chăn nuôi gia cầm công nghiệp, Hà Tĩnh có lợi thế sinh thái rõ nét để phát triển chăn nuôi gà thả vườn nhờ diện tích vườn đồi, đất gò bãi và dải đất cát ven biển khá lớn, phân bố rộng tại các vùng trung du, miền núi và ven biển. Mô hình này cho phép tận dụng nguồn thức ăn tự nhiên, phụ phẩm nông nghiệp giúp giảm chi phí sản xuất. Sản phẩm gà thả vườn có chất lượng thịt tốt, phù hợp thị hiếu người tiêu dùng, có điều kiện thuận lợi để phát triển sản phẩm riêng của Hà Tĩnh.

- Về phân bố không gian, chăn nuôi gia cầm được phát triển tại hầu hết 69 xã, phường trên địa bàn tỉnh, song mức độ phát triển tập trung tại một số địa bàn khá rõ. Các xã có quy mô đàn lớn, đóng vai trò trọng điểm chủ yếu tập trung tại khu vực đồng bằng và trung du: Đồng Lộc, Sơn Tiến, Đồng Tiến, Hà Linh, Cẩm Bình, Hà Huy Tập, Hương Bình, Hương Phố, Cẩm Xuyên, Toàn Lưu. Thực tế này cho thấy chăn nuôi gia cầm đã xuất hiện các địa bàn sản xuất hàng hóa tương đối tập trung, song mức độ tập trung chưa đủ lớn để hình thành vùng sản xuất quy mô lớn, gắn với chế biến và tiêu thụ ổn định.

Nhìn chung, giai đoạn 2021–2025, chăn nuôi gia cầm tỉnh Hà Tĩnh phát triển theo hướng ổn định quy mô, nâng cao năng suất và từng bước chuyển dịch sang sản xuất hàng hóa, trong đó đã hình thành rõ các địa bàn trọng điểm và xuất hiện mô hình chăn nuôi gà công nghiệp liên kết với doanh nghiệp.

2.5. Các đối tượng vật nuôi khác (dê, thỏ...)

- Chăn nuôi Dê: Giai đoạn 2021–2025, chăn nuôi dê trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng trưởng nhẹ và tương đối ổn định. Tổng đàn dê tăng từ 19.822 con năm 2021 lên 21.753 con năm 2025. Mặc dù quy mô đàn không tăng mạnh, nhưng sản lượng thịt dê lại tăng khá rõ, từ 222 tấn năm 2021 lên 265 tấn năm 2025, bình quân giai đoạn tăng khoảng 8%/năm. Tốc độ tăng sản lượng cao hơn tốc độ tăng đàn cho thấy năng suất, trọng lượng xuất chuồng và kỹ thuật chăn nuôi dê từng bước được cải thiện, phản ánh xu hướng chuyển từ chăn nuôi tận dụng sang sản xuất hàng hóa quy mô phù hợp.

Về phân bố không gian, chăn nuôi dê tập trung chủ yếu tại các xã miền núi và trung du có lợi thế về địa hình đồi gò, đất lâm nghiệp và điều kiện chăn thả

như Sơn Tiến, Sơn Hồng, Toàn Lưu, Kim Hoa, Sơn Tây, Vũ Quang, Tú Mỹ, Kỳ Xuân. Trong đó, Sơn Tiến và Sơn Hồng là hai địa bàn có quy mô đàn lớn, đóng vai trò vùng nuôi dê trọng điểm của tỉnh. Sự tập trung này cho thấy chăn nuôi dê phát triển gắn chặt với điều kiện sinh thái tự nhiên và tập quán sản xuất truyền thống của người dân địa phương.

Hiện nay, chăn nuôi dê vẫn chủ yếu phát triển theo hình thức nông hộ, bán chăn thả, tận dụng tốt đất đai đồi gò, rừng sản xuất và phụ phẩm nông nghiệp, phù hợp với điều kiện sinh thái của nhiều địa phương miền núi, trung du trong tỉnh. Bên cạnh đó, đã xuất hiện một số mô hình chăn nuôi dê nuôi nhốt quy mô tương đối lớn (trên 200 con) tại các xã Kim Hoa, Sơn Tiến, Hương Đô, bước đầu cho thấy xu hướng chuyển dịch từ chăn nuôi phân tán sang sản xuất hàng hóa tập trung hơn.

- Nuôi Ong lấy mật: Giai đoạn 2021–2025, nghề nuôi ong mật trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có bước phát triển tích cực, thể hiện rõ qua sự gia tăng cả về quy mô đàn và sản lượng khai thác mật. Tổng đàn ong năm 2021 đạt 40.281 đàn đến năm 2025 đạt 55.278 đàn, bình quân giai đoạn tăng 6,5%/năm, cho thấy nghề nuôi ong mật ngày càng được người dân quan tâm đầu tư, đặc biệt tại các địa phương có lợi thế về rừng và hệ sinh thái tự nhiên phong phú, phù hợp với xu hướng sản xuất nông nghiệp sinh thái, bền vững.

Song song với tăng trưởng quy mô đàn, sản lượng mật ong tăng đều và rõ nét qua các năm. Năm 2021, sản lượng mật đạt 390 tấn, đến năm 2025 đạt 575 tấn, bình quân giai đoạn tăng 8%/năm.

Nuôi ong mật trên địa bàn tỉnh tập trung chủ yếu tại các khu vực miền núi và trung du, hình thành nhiều vùng nuôi ong tập trung, quy mô tương đối lớn tại các xã như Kim Hoa, Sơn Giang, Mai Hoa, Thượng Đức, Kỳ Lạc, Kỳ Thượng,... Các vùng này có lợi thế về hệ sinh thái rừng, cây ăn quả, cây lâm nghiệp và điều kiện môi trường phù hợp, tạo nền tảng để phát triển nuôi ong theo hướng hàng hóa.

Hiện nay, nuôi ong mật trên địa bàn tỉnh chủ yếu phát triển theo hình thức chăn nuôi nông hộ, hình thành các HTX, tổ hợp tác nuôi ong như HTX mật ong Trà Sơn, HTX nuôi ong Ân Phú, HTX nuôi ong lấy mật xã Kỳ Lạc, Đức Lĩnh, HTX mật ong hương bưởi; một số cơ sở đã gắn nuôi ong với xây dựng sản phẩm OCOP, đến nay có 17 sản phẩm mật ong được chứng nhận sản phẩm OCOP 3, 4 sao, góp phần nâng cao giá trị và uy tín sản phẩm trên thị trường.

Tuy nhiên, nuôi ong mật hiện vẫn chủ yếu ở quy mô nhỏ, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu dưới dạng mật thô; liên kết chuỗi giá trị và chế biến còn hạn chế; các sản phẩm phụ như phấn hoa, sáp ong, sữa ong chúa chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng.

Nhìn chung, giai đoạn 2021–2025, nghề nuôi ong mật tỉnh Hà Tĩnh phát triển khá nhanh, trở thành một trong những lĩnh vực chăn nuôi có lợi thế rõ nét, phù hợp với điều kiện sinh thái và định hướng phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh. Nuôi ong mật góp phần: Đa dạng hóa đối tượng chăn nuôi và cơ cấu sản

phẩm nông nghiệp; Tận dụng hiệu quả tài nguyên rừng và thảm thực vật tự nhiên; Tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, đặc biệt tại khu vực miền núi và trung du; Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vườn rừng và xây dựng sản phẩm đặc trưng địa phương.

Đây là lĩnh vực có tiềm năng lớn để tiếp tục phát triển, trong giai đoạn tới cần được định hướng tổ chức sản xuất theo vùng, tăng cường liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học kỹ thuật và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Chăn nuôi Thỏ, có quy mô tổng đàn dao động quanh mức 10.000 con, sản lượng thịt khoảng 32 tấn; trong giai đoạn, chăn nuôi thỏ có xu hướng giảm do thị trường tiêu thụ không ổn định, quy mô sản xuất chủ yếu nhỏ lẻ, phân tán trong khi thỏ là vật nuôi yêu cầu kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh khá cao so với vật nuôi khác. Trong giai đoạn, một số vùng trên địa bàn đã hình thành nghề trồng dâu nuôi tằm tại các xã như Đức Thịnh, Sơn Giang, Kỳ Văn, Kỳ Hoa, Thạch Xuân với khoảng 31 ha diện tích trồng dâu, sản lượng kén tằm khoảng 22 tấn; bước đầu hình thành nên quy mô còn nhỏ lẻ, manh mún. Mô hình trồng dâu nuôi tằm là một trong những hình thức sản xuất nông nghiệp có tính sinh thái cao, thân thiện với môi trường và phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn và bền vững; có tiềm năng phát triển tại một số vùng sinh thái phù hợp.

- Một số đối tượng nuôi khác như lợn rừng, dúi, chồn hương... được người dân phát triển ở quy mô nhỏ, chủ yếu phục vụ thị trường đặc sản. Trên địa bàn đã xuất hiện một số mô hình như nuôi dúi, chồn hương tại Nghi Xuân, Can Lộc, Vũ Quang..., bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần đa dạng hóa đối tượng vật nuôi và nâng cao thu nhập cho người dân.

(Số liệu chi tiết về tổng đàn, sản lượng vật nuôi theo biểu 03)

3. Chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số

Trong giai đoạn 2021–2025, ngành chăn nuôi tỉnh Hà Tĩnh đã đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và từng bước hình thành nền chăn nuôi theo hướng hiện đại, an toàn, bền vững.

- Ứng dụng tiến bộ về giống và công nghệ sinh sản: Trong chăn nuôi lợn, các giống lợn ngoại có năng suất cao trên thế giới và các tổ hợp lai như Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain, PiDu được đưa vào sản xuất đại trà; đến nay, tỷ lệ đàn lợn nái ngoại chiếm gần 65% tổng đàn nái, góp phần nâng cao năng suất sinh sản, tăng trọng và chất lượng thịt.

Trong chăn nuôi gia cầm, các giống gia cầm ngoại, giống lai và giống cao sản được áp dụng phổ biến, bao gồm các giống gà hướng thịt lông trắng, lông màu, giống hướng trứng, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa, rút ngắn thời gian nuôi và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Đối với chăn nuôi bò, tỉnh đã triển khai chương trình Zebu hóa và nâng cao chất lượng đàn bò, sử dụng tinh của các giống bò thịt chất lượng cao như nhóm

bò Zêbu, Charolais, Droughtmaster, BBB, Red Angus để cải tạo đàn bò vàng địa phương. Nhờ đó, tỷ lệ bò lai Zêbu và bò thịt chất lượng cao chiếm trên 65% tổng đàn bò, góp phần cải thiện rõ rệt tầm vóc, năng suất và giá trị sản phẩm.

- Các tiến bộ kỹ thuật về chuồng trại và thiết bị chăn nuôi đã được ứng dụng như: chuồng kín, hệ thống làm mát, điều khiển tiểu khí hậu; chuồng lồng, chuồng sàn; hệ thống silo chứa thức ăn, máng ăn, máng uống tự động... góp phần nâng cao năng suất lao động và giảm rủi ro dịch bệnh. Trang trại bò sữa Vinamilk tại xã Sơn Lễ áp dụng đồng bộ các công nghệ hiện đại như: Hệ thống quản lý đàn, theo dõi sức khỏe và năng suất tự động bằng phần mềm; Ứng dụng tinh phân ly giới tính trong công tác sinh sản; Hệ thống dự trữ, phối trộn và chế biến thức ăn tự động, đồng bộ; Hệ thống kiểm soát chất lượng sữa khép kín từ chăn nuôi đến thu hoạch.

Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi như giải pháp xử lý sinh học MBBR, hầm biogas, bạt HDPE, máy tách ép phân; phần mềm quản lý trang trại quản lý số lượng, chất lượng đàn giống, theo dõi kết quả sản xuất hàng ngày, lập kế hoạch sản xuất; quản lý công tác thú y, thức ăn chăn nuôi; lắp đặt hệ thống phun khử trùng tự động, hoạt động theo chu kỳ hoặc tích hợp cảm biến môi trường, góp phần kiểm soát hiệu quả mầm bệnh từ môi trường bên ngoài, hạn chế nguy cơ xâm nhập và lây lan dịch bệnh.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ đã góp phần nâng cao năng suất và giảm ô nhiễm môi trường, tăng cường kiểm soát dịch bệnh, nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc và đảm bảo an toàn thực phẩm.

4. Kết cấu hạ tầng phục vụ chăn nuôi

Từ năm 2012, tỉnh Hà Tĩnh đã phê duyệt quy hoạch phát triển chăn nuôi tập trung và tiếp tục rà soát, điều chỉnh trong các năm tiếp theo, qua đó tạo cơ sở quan trọng cho việc bố trí không gian chăn nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, môi trường và phân bố dân cư. Nhờ đó, phần lớn các trang trại chăn nuôi quy mô lớn và quy mô vừa trên địa bàn tỉnh được xây dựng đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định, thuận lợi cho công tác quản lý, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

Hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển chăn nuôi trang trại được đầu tư, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Mặc dù các trang trại chủ yếu bố trí tại khu vực xa khu dân cư, song hệ thống giao thông, điện và nguồn nước cơ bản được đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chăn nuôi. Hệ thống chuồng trại được đầu tư theo hướng bán công nghiệp và công nghiệp, phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và quy mô sản xuất. Theo thống kê, trong tổng số 382 trang trại chăn nuôi, có 215 trang trại (chiếm khoảng 56%) áp dụng mô hình chuồng kín, góp phần nâng cao an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh và giảm tác động của thời tiết; 167 trang trại (chiếm khoảng 44%) sử dụng mô hình chuồng hở, chủ yếu tại các cơ sở quy mô vừa và nhỏ, phù hợp với điều kiện đầu tư và tập quán chăn nuôi của hộ. Các trang trại chăn nuôi nhất là trang trại chăn nuôi lợn đã đầu tư hệ thống xử lý chất

thải như hầm biogas, hệ thống tách ép phân, xử lý sinh học, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và từng bước hướng tới chăn nuôi an toàn, bền vững.

5. Công tác sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

- Toàn tỉnh có 35 cơ sở giết mổ đang hoạt động, số lượng gia súc được kiểm soát giết mổ bình quân khoảng 500 con lợn/ngày đêm, 100 con bò/ngày đêm. Phần lớn sản phẩm thịt sau giết mổ vẫn tiêu thụ dưới dạng thịt nóng qua các kênh phân phối truyền thống. Hoạt động bảo quản lạnh, phân phối thịt mát, thịt đông lạnh và hệ thống kho lạnh còn hạn chế. Các cơ sở chế biến thịt như giò chả, xúc xích đã hình thành nhưng chủ yếu quy mô nhỏ lẻ, công nghệ đơn giản, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu trong nội tỉnh.

Bước đầu hình thành một số cơ sở giết mổ, sơ chế và kinh doanh thịt gia cầm theo hướng thịt mát, áp dụng quy trình làm lạnh nhanh và phân phối theo chuỗi lạnh, góp phần nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm; Nhưng chủ yếu thịt gia cầm vẫn chủ yếu tiêu thụ dạng tươi sống, thịt nóng. Đối với trứng gia cầm, phần lớn sản lượng vẫn tiêu thụ dưới dạng trứng tươi; hoạt động sơ chế chủ yếu ở mức phân loại, làm sạch và đóng khay tại một số trang trại, hợp tác xã. Hiện chưa có cơ sở đầu tư hệ thống bảo quản lạnh và chế biến sâu các sản phẩm từ trứng, nên giá trị gia tăng còn thấp và phụ thuộc nhiều vào thị trường.

- Sữa tươi: Trên địa bàn tỉnh có 01 Trang trại bò sữa quy mô khoảng 2.000 con bò sữa, sản lượng sữa tươi đạt khoảng 10.000 tấn/năm. Sữa tươi sau khi thu hoạch được thực hiện đầy đủ các quy trình sơ chế, kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt như làm lạnh nhanh, bảo quản trong hệ thống bồn lạnh đạt chuẩn, kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật về vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng sữa. Sau khi hoàn thành các khâu sơ chế ban đầu tại trang trại, toàn bộ sản lượng sữa tươi được vận chuyển ra Nhà máy chế biến sữa của Vinamilk tại tỉnh Nghệ An để tiếp tục chế biến sâu thành các sản phẩm sữa thương mại.

- Nhung hươu: Ước khoảng 65–70% sản lượng nhung được sơ chế và bảo quản lạnh; 20–25% tiêu thụ dưới dạng nhung tươi; khoảng 10–15% được chế biến thành các sản phẩm như nhung sấy khô, bột nhung, rượu nhung hươu, nhung hươu mật ong, cao nhung hươu. Toàn tỉnh đã có 9 cơ sở với 19 sản phẩm chế biến từ nhung hươu được chứng nhận sản phẩm OCOP, góp phần nâng cao giá trị và thương hiệu sản phẩm.

6. Công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y

- Công tác quản lý điều kiện chăn nuôi:

Trên địa bàn tỉnh hiện có 46 cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn, trong đó 43 cơ sở đã thực hiện đánh giá điều kiện chăn nuôi theo quy định, 28 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi. Ngoài ra, toàn tỉnh có hơn 400 trang trại chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ. Hàng năm, cơ quan chuyên môn và địa phương tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện chăn nuôi, bảo vệ môi trường.

Nhìn chung, các cơ sở chăn nuôi, đặc biệt là các trang trại quy mô lớn và

vừa, đã từng bước nắm bắt và thực hiện các quy định của Luật Chăn nuôi; công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi ở cơ sở từng bước được tăng cường, đi vào nề nếp.

Tuy nhiên, một số cơ sở chăn nuôi vẫn còn tồn tại như: chưa hoàn thiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư, đất đai và môi trường; việc kê khai hoạt động chăn nuôi chưa thực hiện đúng thời hạn; công tác ghi chép, theo dõi quá trình chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin chưa đầy đủ, gây khó khăn cho việc quản lý và truy xuất nguồn gốc; một số cơ sở chưa thực hiện tốt các biện pháp xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với chăn nuôi nông hộ, việc đánh giá điều kiện chăn nuôi được UBND cấp xã tổ chức thực hiện gắn với tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc thực hiện các quy định về chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

- Công tác quản lý giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh từng bước được tăng cường. Ngành chuyên môn đã ban hành các văn bản hướng dẫn quản lý, kiểm soát giống vật nuôi xuất – nhập trên địa bàn; đồng thời tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất giống thực hiện các quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hiện nay, trên địa bàn có 38 cơ sở chăn nuôi lợn nái quy mô lớn và vừa, cơ bản chấp hành các quy định về điều kiện sản xuất, mua bán giống vật nuôi và công bố tiêu chuẩn chất lượng giống theo quy định.

Tuy nhiên, công tác quản lý giống vẫn còn một số hạn chế như: hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc-xin và thông tin khác để đảm bảo truy xuất nguồn gốc và hồ sơ theo dõi, quản lý giống, chỉ tiêu chất lượng tinh trong thời gian kiểm tra, khai thác tinh đực giống thực hiện chưa đầy đủ. Một số cơ sở sản xuất giống chưa thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng. Công tác quản lý hoạt động dịch vụ thụ tinh nhân tạo, quản lý đực giống ở cơ sở còn nhiều hạn chế.

- Quản lý thức ăn chăn nuôi: Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất theo quy định và 428 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Hàng năm, cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra, lấy mẫu đánh giá chất lượng thức ăn chăn nuôi lưu thông trên thị trường. Phần lớn các cơ sở cơ bản đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định; tuy nhiên một số cơ sở việc ghi chép, theo dõi hoạt động mua bán còn chưa đầy đủ theo quy định và chưa nắm bắt đầy đủ các quy định về mua bán thức ăn chăn nuôi theo quy định tại Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Nhìn chung, công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh từng bước được tăng cường, cơ sở chăn nuôi ngày càng tuân thủ tốt hơn các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thực hiện các quy định về điều kiện chăn nuôi, quản lý giống, ghi chép hồ sơ truy xuất nguồn gốc, quản lý môi trường, quản lý giống tại cơ sở vẫn còn những hạn chế, cần tiếp tục tăng cường công tác

kiểm tra, giám sát tại cơ sở.

- Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và công tác phòng, chống (tình hình dịch bệnh, tiêm phòng, công tác phòng, chống dịch,...)

Giai đoạn 2021–2025, tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như dịch tả lợn châu Phi, viêm da nổi cục trên trâu bò, lở mồm long móng gia súc và cúm gia cầm, gây thiệt hại đáng kể cho sản xuất chăn nuôi. Trong giai đoạn này, dịch tả lợn châu Phi làm 70.843 con lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy; bệnh viêm da nổi cục làm 3.056 con trâu, bò mắc bệnh, chết và tiêu hủy; bệnh lở mồm long móng làm 36 con gia súc chết; cúm gia cầm làm 17.787 con gia cầm chết và tiêu hủy.

Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm được duy trì thường xuyên theo kế hoạch phòng, chống dịch bệnh của tỉnh. Hằng năm tổ chức 02 đợt tiêm phòng định kỳ và tiêm bổ sung đối với đàn vật nuôi chưa được tiêm hoặc mới phát sinh. Tỷ lệ tiêm phòng bình quân giai đoạn 2021–2025 đối với một số bệnh bắt buộc đạt: lở mồm long móng trâu bò 81% kế hoạch; tụ huyết trùng trâu bò 73%; viêm da nổi cục 68%; dịch tả lợn 75%; tụ huyết trùng lợn 76%; vắc xin dại 85%; vắc xin cúm gia cầm 37,7%.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, kế hoạch và bố trí nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh; tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi; tăng cường giám sát dịch bệnh, lấy mẫu xét nghiệm, tổ chức tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi. Trong giai đoạn 2021–2025 đã cấp phát 65.188 lít hóa chất tiêu độc khử trùng cho các địa phương để xử lý ổ dịch, vùng nguy cơ và các cơ sở giết mổ.

- Công tác kiểm soát giết mổ:

+ Giai đoạn trước năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 39 cơ sở giết mổ tập trung, với quy mô đảm bảo giết mổ từ 30 đến 70 con lợn/ ca giết mổ. Một số cơ sở bố trí thêm khu vực giết mổ trâu, bò với quy mô từ 05 - 15 con trâu, bò/ ca giết mổ. Phần lớn cơ sở giết mổ đều được bố trí cách xa khu dân cư các công trình công cộng; diện tích bình quân khoảng 3.000 m²/ cơ sở.

+ Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 35 cơ sở giết mổ tập trung đang hoạt động; số lượng gia súc được kiểm soát tại cơ sở giết mổ tập trung bình quân khoảng 100 con trâu, bò/ ngày đêm và 500 con lợn/ ngày đêm. Trong đó, một số cơ sở giết mổ hoạt động có hiệu quả như: cơ sở Thạch Lạc (Thạch Lạc cũ); cơ sở Cẩm Trung (Cẩm Lộc cũ); Cơ sở Hà Huy Tập (Thạch Tân cũ); Cơ sở Hà Huy Tập (Thạch Hương cũ); Cơ sở Nam Hồng Lĩnh (Nam Hồng cũ); Cơ sở Sông Trí (Hưng Trí cũ)...

+ Nhìn chung các cơ sở giết mổ tập trung đã đáp ứng phục vụ nhu cầu giết mổ của người hành nghề trên địa bàn tỉnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và hạn chế dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Ý thức về vệ sinh thú y, an toàn thực

phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh giết mổ của người hành nghề giết mổ được nâng lên, việc giết mổ nhỏ lẻ trong hộ gia đình giảm hẳn.

- Công tác quản lý thuốc thú y và hành nghề thú y được duy trì theo quy định. Trên địa bàn tỉnh hiện có 270 cơ sở buôn bán thuốc thú y được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (04 cơ sở hoạt động theo hình thức đăng ký kinh doanh doanh nghiệp và 266 cơ sở đăng ký hộ kinh doanh) và 531 cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề thú y. Nhìn chung các cơ sở kinh doanh thuốc thú y đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định; hệ thống cung ứng thuốc thú y tương đối đa dạng, đáp ứng nhu cầu phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe vật nuôi trên địa bàn.

II. Những tồn tại, hạn chế; nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế chung của ngành chăn nuôi

- Chưa thu hút được các dự án đầu tư chăn nuôi quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt ngành: Trong giai đoạn 2021–2025, hoạt động đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; chưa thu hút được các doanh nghiệp lớn có tiềm lực về tài chính, công nghệ và thị trường để đầu tư các dự án chăn nuôi quy mô lớn, đồng bộ. Do đó, chưa hình thành được các chuỗi giá trị chăn nuôi hoàn chỉnh, khả năng nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của ngành còn hạn chế.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất còn chậm đổi mới, liên kết chuỗi giá trị còn lỏng lẻo. Mặc dù tỷ lệ chăn nuôi trang trại ở một số đối tượng (đặc biệt là lợn) tương đối cao, song mô hình tổ chức sản xuất chủ yếu vẫn là nuôi gia công, liên kết một chiều, chưa hình thành được các chuỗi giá trị khép kín trong tỉnh; vai trò làm chủ của người chăn nuôi trong chuỗi giá trị còn hạn chế, giá trị gia tăng cao của ngành chưa được giữ lại trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển dịch chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng và an toàn còn chậm: Phần lớn sản phẩm chăn nuôi vẫn được tiêu thụ dưới dạng thô, chưa qua chế biến sâu, giá trị gia tăng thấp. Các mô hình chăn nuôi gắn với tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, an toàn sinh học và thị trường tiêu thụ ổn định còn ít, quy mô nhỏ.

- Chăn nuôi còn nhỏ lẻ, phân tán, ứng dụng khoa học công nghệ nhất là công nghệ cao còn hạn chế. Ngoài chăn nuôi lợn, phần lớn các đối tượng vật nuôi khác như bò, gia cầm, hươu vẫn được nuôi chủ yếu theo quy mô nhỏ. Điều này gây khó khăn cho việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, kiểm soát dịch bệnh, xử lý môi trường, tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Công nghiệp giết mổ, sơ chế, chế biến chăn nuôi phát triển chậm. Mặc dù hệ thống giết mổ đã được hình thành, song công nghiệp sơ chế, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi còn hạn chế. Phần lớn sản phẩm sau giết mổ vẫn tiêu thụ dưới dạng thịt nóng; các cơ sở chế biến thịt mát, thịt chế biến và sản phẩm giá trị gia tăng còn ít, quy mô nhỏ.

- Phần lớn các cơ sở giết mổ tập trung được xây dựng từ năm 2014, đến nay nhiều hạng mục đã xuống cấp do chưa được nâng cấp, sửa chữa thường xuyên. Sản lượng gia súc đưa vào một số cơ sở còn thấp, nguồn thu dịch vụ giết mổ hạn chế nên gặp khó khăn trong duy trì hoạt động và đầu tư cải tạo, nâng cấp trang thiết bị. Lực lượng cán bộ thú y thuộc biên chế nhà nước được giao ít nên đang còn phải bố trí cán bộ hợp đồng để trực và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát tại các cơ sở giết mổ...

- Thị trường tiêu thụ thiếu ổn định: Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu tiêu thụ thông qua các kênh truyền thống, phụ thuộc nhiều vào thương lái và thị trường ngoài tỉnh. Việc xây dựng thương hiệu, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và phát triển hệ thống phân phối hiện đại còn hạn chế, dẫn đến đầu ra thiếu ổn định và giá cả biến động.

*** Tồn tại, hạn chế đối với từng đối tượng vật nuôi**

- Chăn nuôi Lợn: Trang trại quy mô lớn và vừa: Một số cơ sở được chấp thuận đầu tư trước năm 2015 đến nay phát sinh tình trạng hiện trạng không còn phù hợp với chấp thuận đầu tư, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt; hệ thống xử lý môi trường chưa đảm bảo quy định, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm, ảnh hưởng khu dân cư; trong giai đoạn có 10 trang trại bị xử phạt do chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật bảo vệ môi trường.

Quy mô nhỏ, nông hộ: nhìn chung chưa đảm bảo an toàn sinh học và môi trường, dễ xảy ra dịch bệnh gây thiệt hại lớn, phát sinh ô nhiễm môi trường trong khu dân cư. Chăn nuôi trang trại quy mô lớn và vừa chủ yếu nuôi gia công, sử dụng thức ăn công nghiệp với chi phí giá thành lớn chiếm trên 70%, chưa hành chuỗi giá trị khép kín, giá trị gia tăng nằm ngoài địa bàn tỉnh.

- Chăn nuôi Bò: Một số địa phương thực hiện chương trình Zebu hóa đàn bò còn chậm, tỷ lệ bò lai còn thấp như Kỳ Anh, Hà Linh, Phúc Trạch, Hương Xuân, Cẩm Trung. Các hộ nuôi bò vỗ béo chuyên thịt chưa áp dụng đầy đủ các quy trình kỹ thuật như trồng cỏ, phối trộn thức ăn, nuôi vỗ béo, nên năng suất và hiệu quả chăn nuôi chưa cao; chưa chủ động được nguồn giống tại chỗ. Chăn nuôi bò sữa Vinamilk hoạt động từ năm 2012 đến nay nhưng chưa hình thành chuỗi liên kết với nông dân trong vùng.

- Chăn nuôi Hươu sao: Hươu sao chưa được công nhận là giống vật nuôi, gây khó khăn cho công tác quản lý, nghiên cứu và phát triển ngành hàng. Công tác chọn lọc, quản lý giống và bảo tồn nguồn gen chưa được thực hiện bài bản. Hoạt động nghiên cứu giá trị nhưng hươu, chế biến sâu các sản phẩm từ nhung hươu còn hạn chế.

- Chăn nuôi gia cầm: Chưa có cơ sở sản xuất giống trên địa bàn nên tính chủ động thấp, khó kiểm soát nguồn gốc, chất lượng con giống và kiểm soát dịch bệnh. Chăn nuôi nông hộ chiếm khoảng 80% tổng đàn nên khó áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật và kiểm soát dịch bệnh. Chăn nuôi trang trại tuy đã hình thành nhưng chưa phát triển theo chuỗi giá trị, sản phẩm thịt và trứng chủ yếu tiêu thụ qua kênh truyền thống.

- Chăn nuôi dê: Người chăn nuôi chưa quan tâm đúng mức đến chất lượng con giống, giống dê sử dụng chủ yếu là dê địa phương và dê lai. Phương thức nuôi chủ yếu bán thả, thả tự do, ít áp dụng các quy trình kỹ thuật về nuôi dưỡng, chăm sóc và phối trộn thức ăn, nên năng suất và hiệu quả chăn nuôi chưa cao.

- Nuôi ong mật: Chưa có công bố tiêu chuẩn chất lượng nên người tiêu dùng chưa hiểu rõ thành phần, hoạt chất và công dụng của mật ong; sản phẩm chủ yếu tiêu thụ ở dạng thô, hạn chế về giá trị sử dụng và khả năng mở rộng thị trường. Hoạt động nuôi ong du mục trên địa bàn chưa được quản lý chặt chẽ, ảnh hưởng đến phát triển đàn ong của địa phương.

- Các đối tượng vật nuôi khác (chồn hương, dúi, lợn rừng...): Chủ yếu phát triển tự phát, quy mô nhỏ lẻ; nhiều cơ sở chưa thực hiện đăng ký trại nuôi theo quy định. Thị trường tiêu thụ chưa ổn định, chưa hình thành liên kết chuỗi, tiềm ẩn rủi ro đứt gãy thị trường và khó kiểm soát dịch bệnh.

2. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

2.1. Nguyên nhân kết quả đạt được

- Sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh thông qua các chủ trương, chiến lược, chương trình, kế hoạch và chính sách tạo hành lang pháp lý và định hướng cho ngành.

- Cơ cấu chăn nuôi từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi trang trại, hàng hóa góp phần nâng cao năng suất và kiểm soát dịch bệnh.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cải thiện chất lượng giống vật nuôi đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, góp phần ổn định sản xuất. Các mô hình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, liên kết theo hướng hữu cơ đã góp phần thay đổi nhận thức của người chăn nuôi, tạo tiền đề cho chuyển dịch sang chăn nuôi chất lượng, an toàn trong giai đoạn tiếp theo.

- Sự chủ động, nỗ lực của người chăn nuôi và doanh nghiệp trong thích ứng với biến động thị trường và dịch bệnh.

2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (khách quan, chủ quan)

a) Nguyên nhân khách quan:

- Biến động thị trường và dịch bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp; giá thức ăn chăn nuôi tăng cao trong một số thời điểm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất và tâm lý đầu tư.

- Chăn nuôi là ngành có mức độ rủi ro cao, chịu tác động lớn của dịch bệnh và biến động thị trường; trong khi các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn sinh học ngày càng chặt chẽ, làm giảm sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư.

- Tập quán tiêu dùng vẫn chủ yếu sử dụng sản phẩm tươi sống, thịt nóng, làm chậm quá trình phát triển giết mổ tập trung, chế biến sâu và xây dựng chuỗi giá trị.

- Tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan làm gia tăng nguy cơ dịch bệnh và rủi ro trong sản xuất.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Việc triển khai tái cơ cấu ngành chăn nuôi chưa thực sự quyết liệt, thiếu đồng bộ trong tổ chức thực hiện, dẫn đến việc ưu tiên nguồn lực, không gian phát triển và cơ chế hỗ trợ cho chăn nuôi còn hạn chế.

- Công tác tham mưu, cụ thể hóa chủ trương phát triển chăn nuôi ở một số nơi, một số thời điểm còn chậm, nhất là cụ thể hóa các chủ trương thành các chương trình, dự án thu hút đầu tư.

- Việc bố trí quỹ đất chăn nuôi tập trung phục vụ thu hút đầu tư chưa được quan tâm đúng mức.

- Chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán còn phổ biến, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch bệnh trên đàn vật nuôi. Công tác bảo vệ môi trường ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu, gây áp lực lên môi trường và ảnh hưởng đến tính bền vững của ngành, đồng thời làm giảm sức hấp dẫn đối với các dự án đầu tư mới.

- Năng lực quản trị, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị và tiếp cận thị trường còn hạn chế.

III. Bài học kinh nghiệm

- Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển ngành chăn nuôi. Thực tiễn cho thấy khi công tác chỉ đạo được thực hiện thống nhất, xuyên suốt, gắn với tổ chức thực hiện cụ thể và phân công rõ trách nhiệm thì ngành chăn nuôi có điều kiện phát triển ổn định, nâng cao hiệu quả và hướng tới bền vững.

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư và hình thành chuỗi giá trị là yếu tố then chốt để nâng cao giá trị gia tăng của ngành. Khi thiếu các doanh nghiệp có vai trò dẫn dắt, chuỗi giá trị chăn nuôi khó hình thành hoàn chỉnh, giá trị gia tăng không được giữ lại tại địa phương. Vì vậy cần lấy doanh nghiệp làm trung tâm liên kết chuỗi, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường đầu tư thuận lợi.

- Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị là hướng đi tất yếu. Mô hình chăn nuôi gia công đã góp phần ổn định sản xuất và giảm rủi ro, song cần từng bước nâng cấp theo hướng liên kết sâu hơn giữa các khâu từ sản xuất – giết mổ – chế biến – tiêu thụ nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững.

- Cần định hướng bố trí chăn nuôi phù hợp từng vùng sinh thái, giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư, đồng thời đẩy mạnh phát triển giết mổ, chế biến, xây dựng thương hiệu và tiêu chuẩn chất lượng để mở rộng thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi.

IV. Đánh giá tiềm năng, lợi thế, khả năng phát triển (dự địa phát triển, thị trường tiêu thụ)

- Chăn nuôi Lợn: Là ngành hàng chủ lực của chăn nuôi Hà Tĩnh với hệ thống trang trại tương đối phát triển. Dự địa phát triển trong giai đoạn tới tập trung vào nâng cao năng suất, hiệu quả, an toàn sinh học và giá trị gia tăng thông qua tổ chức lại sản xuất theo chuỗi, phát triển giết mổ, bảo quản lạnh và chế biến. Thị trường tiêu thụ thịt lợn ổn định, ngoài nhu cầu trong tỉnh còn có khả năng cung ứng cho các địa phương lân cận và các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Chăn nuôi trâu, bò: Có truyền thống lâu đời và phù hợp với điều kiện sinh thái vùng trung du, miền núi; có khả năng tận dụng đồng cỏ tự nhiên và phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn. Dự địa phát triển nằm ở việc nâng cao chất lượng đàn thông qua cải tạo giống, phát triển bò thịt hàng hóa và mô hình bò vỗ béo. Thị trường tiêu thụ thịt bò ổn định và có xu hướng tăng đối với sản phẩm thịt bò chất lượng cao.

- Chăn nuôi gia cầm: Có lợi thế phát triển cả chăn nuôi công nghiệp và chăn nuôi gà thả vườn nhờ diện tích vườn đồi, đất gò bãi và vùng cát ven biển rộng. Dự địa phát triển tập trung vào nâng cao năng suất, hình thành các vùng chăn nuôi hàng hóa gắn với tiêu chuẩn an toàn sinh học và truy xuất nguồn gốc. Thị trường tiêu thụ thịt và trứng gia cầm ổn định, có tiềm năng mở rộng vào hệ thống phân phối hiện đại, bếp ăn tập thể, khu công nghiệp và các cơ sở dịch vụ ăn uống.

- Nuôi Hươu sao: Hà Tĩnh có tổng đàn hươu lớn nhất cả nước, chiếm khoảng 60% tổng đàn, tạo lợi thế nổi trội trong phát triển ngành hàng đặc sản. Dự địa phát triển tập trung vào nâng cao chất lượng giống, năng suất nhung và phát triển chế biến sâu các sản phẩm từ nhung hươu. Thị trường tiêu thụ nhung hươu khá rộng, đặc biệt trong lĩnh vực dược liệu, thực phẩm chức năng và quà tặng đặc sản.

- Chăn nuôi Dê: Phù hợp với điều kiện sinh thái vùng đồi núi và trung du, nơi có nguồn thức ăn tự nhiên phong phú. Dự địa phát triển tập trung vào nâng cao năng suất, trọng lượng xuất chuồng và phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa quy mô phù hợp. Thị trường tiêu thụ thịt dê ổn định, có tiềm năng mở rộng phục vụ nhà hàng, du lịch và dịch vụ ăn uống.

- Nuôi Ong mật: Hà Tĩnh có lợi thế lớn về hệ sinh thái rừng, cây ăn quả và thảm thực vật tự nhiên, thuận lợi phát triển nuôi ong. Dự địa phát triển không chỉ ở việc mở rộng quy mô đàn mà còn nâng cao chất lượng mật và phát triển các sản phẩm từ ong. Thị trường tiêu thụ mật ong và các sản phẩm từ ong ngày càng mở rộng trong nước và xuất khẩu.

V. Mục tiêu, định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030

1. Mục tiêu chung:

Phát triển chăn nuôi theo hướng hiện đại, an toàn sinh học, hiệu quả và bền vững, phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng; chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế.

Tập trung phát triển các đối tượng vật nuôi có lợi thế so sánh, có thị trường ổn định, gắn với tổ chức lại sản xuất theo hướng hàng hóa, hình thành các chuỗi giá trị chăn nuôi khép kín; đồng thời duy trì hợp lý chăn nuôi quy mô nông hộ nhằm đảm bảo sinh kế cho người dân.

Phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường, kinh tế tuần hoàn, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

2. Mục tiêu một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Mức tăng trưởng giá trị sản xuất chăn nuôi bình quân hàng năm 2-3%; tỷ trọng giá trị sản xuất các sản phẩm chủ lực ngành chăn nuôi: Lợn chiếm khoảng 44-46%, Gia cầm chiếm khoảng 38-40%, Trâu, bò chiếm khoảng 8-9%, Hươu chiếm khoảng 4-5%, vật nuôi khác chiếm khoảng 2%.

- Tổng đàn, chất lượng đàn gia súc, gia cầm:

Tổng đàn lợn có mặt thường xuyên đạt trên 420.000 con, trong đó chăn nuôi quy mô trang trại chiếm trên 75%; đàn bò đạt trên 140.000 con, trong đó tỷ lệ bò lai Zêbu chiếm trên 75%; đàn gia cầm có mặt thường xuyên trên 10,5 triệu con, trong đó gia cầm được nuôi quy mô trang trại khoảng 30%; đàn hươu đạt trên 53.000 con.

Sản phẩm chăn nuôi: Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt trên 122.660 tấn, trong đó: Thịt lợn đạt 76.500 tấn, chiếm 62%; thịt bò đạt 10.100 tấn, thịt gia cầm trên 30.000 tấn; sản lượng trứng trên 382 triệu quả; nhung hươu đạt trên 29 tấn.

(Về tổng đàn, chất lượng đàn gia súc, gia cầm chi tiết theo biểu 03)

3. Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030

- Chăn nuôi lợn: Phát triển theo hướng trang trại, công nghiệp, hiện đại và bền vững, gắn với ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, chuyên đổi số. Tăng cường công tác quản lý chăn nuôi nhất là về điều kiện chăn nuôi, công tác bảo vệ môi trường đối với các trang trại chăn nuôi quy mô lớn và vừa. Thu hút doanh nghiệp lớn có tiềm lực về kinh tế, công nghệ vào đầu tư trang trại quy mô lớn, hiện đại, công nghệ cao. Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ, nhân rộng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo hướng hữu cơ, chăn nuôi tuần hoàn. Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, trang trại quy mô lớn từng bước hình thành hệ thống sản xuất giống (cụ kỵ - ông bà - bố mẹ - thương phẩm); chủ động nghiên cứu, xây dựng quy trình chế biến và phối trộn thức ăn chăn nuôi từ nguyên liệu sẵn có trên địa bàn, từng bước giảm phụ thuộc vào nguồn thức ăn công nghiệp nhập từ ngoài tỉnh.

- Chăn nuôi trâu, bò: Tiếp tục thực hiện chương trình thụ tinh nhân tạo để cải tạo và nâng cao chất lượng đàn bò, ưu tiên sử dụng tinh các giống bò như

nhóm bò Zebu, Red Angus nhằm tạo đàn bò cái nền phục vụ lai tạo với các giống bò thịt chất lượng cao. Hình thành và phát triển chuỗi liên kết chăn nuôi bò sữa với Vinamilk, gắn với tổ chức sản xuất, thu mua và tiêu thụ sản phẩm ổn định.

Đẩy mạnh phát triển mô hình bò vỗ béo theo hướng thâm canh, gắn hình thành các cơ sở có đàn bò cái nền để chủ động sản xuất con giống phục vụ nuôi thương phẩm và vỗ béo. Khuyến khích xây dựng và áp dụng quy trình phối trộn thức ăn từ nguyên liệu sẵn có, đồng thời thúc đẩy xử lý chất thải chăn nuôi thành phân bón hữu cơ theo hướng kinh tế tuần hoàn. Từng bước xây dựng và phát triển các mô hình bò thịt chất lượng cao, bò giống đặc sản, góp phần nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm thịt bò.

- Chăn nuôi gia cầm: Phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng. Thu hút doanh nghiệp đầu tư cơ sở sản xuất giống gia cầm nhằm chủ động nguồn giống trên địa bàn. Phát huy lợi thế vườn đồi, đất gò bãi và dải đất cát ven biển để phát triển chăn nuôi gà thả vườn theo hướng an toàn sinh học; đồng thời lựa chọn một số giống gà năng suất, chất lượng, thích ứng với điều kiện địa phương để phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng thương hiệu gà đồi, gà vùng cát ven biển. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì và phát triển các chuỗi liên kết chăn nuôi gia cầm công nghiệp với doanh nghiệp; từng bước hình thành chuỗi sản xuất – tiêu thụ đối với sản phẩm thịt và trứng gia cầm, gắn với giết mổ tập trung, sơ chế, chế biến và tiêu thụ ổn định.

- Nuôi hươu sao: Phát triển trở thành ngành hàng đặc sản chủ lực, có lợi thế đặc thù của tỉnh, theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, hiệu quả và bền vững; Nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở khoa học và pháp lý để công nhận hươu sao là giống vật nuôi, tạo nền tảng cho quản lý và phát triển ngành hàng. Bảo tồn và phát triển nguồn gen hươu sao Hà Tĩnh, xây dựng và bảo vệ thương hiệu “Hươu sao, nhưng hươu Hương Sơn”; đồng thời thúc đẩy ứng dụng số hóa trong quản lý đàn, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường nghiên cứu giá trị dược liệu của nhung hươu để phát triển các sản phẩm chế biến sâu; từng bước hình thành chuỗi từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

- Nuôi ong lấy mật: Từng bước tổ chức lại sản xuất theo mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác và liên kết với doanh nghiệp; chuẩn hóa quy trình kỹ thuật nuôi, khai thác và bảo quản mật ong, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng truy xuất nguồn gốc. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển thương hiệu mật ong Hà Tĩnh, mở rộng sản phẩm OCOP; khuyến khích đầu tư sơ chế, chế biến, đa dạng hóa sản phẩm từ ong; kết hợp mở rộng kênh tiêu thụ hiện đại, thương mại điện tử để tăng khả năng tiếp cận thị trường trong và ngoài nước.

- Chăn nuôi Dê: Phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô phù hợp, phát huy lợi thế sinh thái vùng miền núi và trung du. Duy trì, phát triển chăn nuôi dê tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi về địa hình đồi gò, đất lâm nghiệp và nguồn thức ăn tự nhiên; từng bước chuyển từ chăn nuôi tận dụng, bán chăn thả sang các mô hình nuôi nhốt, bán chăn thả có kiểm soát, bảo đảm vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường. Tập trung nâng cao năng suất, trọng lượng xuất chuồng thông

qua cải thiện giống, kỹ thuật nuôi dưỡng và quản lý đàn; hình thành các mô hình chăn nuôi dê quy mô vừa và nhỏ gắn với liên kết tiêu thụ ổn định.

VI. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1. Nhiệm vụ, giải pháp về cơ chế, chính sách

(1) Thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

(2) Hỗ trợ khuyến khích chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

(3) Chính sách về phòng, chống dịch bệnh động vật

- Hỗ trợ vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch bệnh động vật: Hỗ trợ vắc xin tiêm phòng định kỳ cho đàn trâu, bò; Hỗ trợ kinh phí mua hóa chất dự phòng chủ động phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi.

- Hỗ trợ kinh phí chi trả tiền công bố trí nhân viên thú y cấp xã thực hiện hoạt động thú y.

- Hỗ trợ rủi ro trong công tác tiêm phòng cho trâu, bò.

- Hỗ trợ công tác kiểm soát giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

- Hỗ trợ kinh phí để hợp đồng nhân viên thú y trực tiếp thực hiện kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển các đối tượng vật nuôi

- Chăn nuôi Lợn:

+ Đối với các trang trại quy mô lớn và vừa, tập trung rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, điều kiện chăn nuôi và hệ thống xử lý môi trường. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung của xã để bố trí quỹ đất chăn nuôi tập trung xây dựng các trang trại quy mô đủ lớn, phạm vi, khoảng cách phù hợp, định hướng thu hút các doanh nghiệp quy mô lớn, công nghệ hiện đại, có phương án bảo vệ môi trường tối ưu.

+ Đối với quy mô nhỏ: khuyến khích đưa ra khỏi khu dân cư hoặc chuyển đổi đối tượng nuôi phù hợp nhu cầu thị trường; tại những vùng chăn nuôi mật độ cao gắn với sinh kế, tập quán thì từng bước chuyển đổi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, chăn nuôi không tiếp xúc.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp, trang trại chủ động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong chế biến thức ăn chăn nuôi; xây dựng các quy trình chế biến và công thức phối trộn thức ăn phù hợp từ nguồn nguyên liệu sẵn có.

- Chăn nuôi Bò:

+ Tiếp tục thực hiện Zebu hóa đàn bò; ưu tiên sử dụng tinh các giống bò nhóm Zebu, Red Angus để tạo đàn bò cái nền phục vụ lai tạo với các giống bò thịt chất lượng cao.

+ Phát triển mô hình chăn nuôi bò vỗ béo theo hướng thâm canh, gắn với hình thành các cơ sở có đàn bò cái nền để chủ động sản xuất con giống; xây dựng và áp dụng các quy trình phối trộn thức ăn từ nguyên liệu sẵn có tại địa phương, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi.

+ Hình thành chuỗi liên kết chăn nuôi bò sữa với doanh nghiệp (như Vinamilk), từ sản xuất, thu mua và tiêu thụ sản phẩm. Các địa phương có lợi thế như các xã thuộc huyện Hương Sơn, Đức Thọ (cũ) rà soát các hộ có nhu cầu, nguồn lực đất đai, lao động, tài chính để tổ chức tham gia liên kết chăn nuôi bò sữa với Vinamilk, quy mô từ 20 con trở lên.

- Chăn nuôi Hươu:

+ Nghiên cứu, hoàn thiện cơ sở khoa học và pháp lý để công nhận hươu sao là giống vật nuôi, tạo nền tảng cho quản lý và phát triển ngành hàng.

+ Bảo tồn và phát triển nguồn gen hươu sao Hà Tĩnh, xây dựng và bảo vệ thương hiệu “Hươu sao, nhung hươu Hương Sơn”;

+ Thúc đẩy ứng dụng số hóa trong quản lý đàn, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường nghiên cứu giá trị dược liệu của nhung hươu để phát triển các sản phẩm chế biến sâu; từng bước hình thành chuỗi từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

- Chăn nuôi gia cầm:

+ Thu hút doanh nghiệp đầu tư cơ sở sản xuất giống gia cầm để từng bước chủ động nguồn giống trên địa bàn;

+ Đối với chăn nuôi nông hộ đang chiếm khoảng 80%: Khuyến cáo sử dụng con giống rõ nguồn gốc, chất lượng, tiêm phòng đủ mũi vắc xin theo quy định, áp dụng quy trình an toàn sinh học, từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng thương hiệu gà Hà Tĩnh.

+ Đối với chăn nuôi trang trại: Tiếp tục phát triển chăn nuôi gia cầm công nghiệp liên kết với doanh nghiệp; bên cạnh đó hình thành, phát triển các trang trại gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm thịt, trứng vào siêu thị, nhà hàng và các bếp ăn tập thể.

- Chăn nuôi Dê:

+ Phát triển chăn nuôi dê theo hướng thâm canh, bán chăn thả gắn đầu tư con giống, chuồng trại và phát triển nguồn thức ăn tại chỗ, áp dụng quy trình chăn nuôi, phối trộn thức ăn, quản lý đàn.

+ Tập trung cải tạo đàn dê địa phương theo hướng sử dụng dê đực Boer hoặc Boer lai phối giống với dê cái địa phương tạo dê lai nuôi thịt. Từng bước hình thành đàn dê cái nền (dê Bách Thảo hoặc dê lai) để nhân giống tại chỗ.

+ Khuyến khích hình thành các mô hình chăn nuôi dê hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với nhà hàng, cơ sở du lịch và dịch vụ ăn uống trên địa bàn.

- Nuôi ong mật:

+ Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm mật ong, tăng cường nghiên cứu thành phần, hoạt chất và công dụng của mật ong. Khuyến khích chế biến, đa dạng hóa các sản phẩm từ mật ong nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

+ Tiếp tục phát triển các vùng nuôi ong trọng điểm tại Hương Sơn, Vũ Quang, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Can Lộc và các vùng ven đô thị như TP Hà Tĩnh, Thạch Hà gắn với hệ sinh thái rừng. Khuyến khích các hộ nuôi phát triển mô hình nuôi ong du mục trong địa bàn tỉnh nhằm khai thác hiệu quả nguồn hoa tự nhiên của địa phương.

- Các đối tượng nuôi khác (chồn hương, lợn rừng, dúi ...): Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nuôi động vật rừng thông thường. Khuyến cáo các hộ nuôi tổ chức theo chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ nhằm ổn định thị trường, giảm rủi ro. Từng bước đầu tư bài bản về con giống để chủ động nguồn giống, chuồng trại, quy trình kỹ thuật nuôi và phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng sản phẩm gắn với nhu cầu thị trường như nhà hàng, dịch vụ ăn uống và du lịch trên địa bàn.

3. Nhiệm vụ, giải pháp về sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

- Rà soát, phân loại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó xây dựng phương án củng cố, nâng cấp, mở rộng các cơ sở giết mổ đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh thú y và điều kiện hoạt động của cơ sở giết mổ động vật tập trung theo quy định.

- Đầu tư, phát triển một số cơ sở giết mổ theo hướng hiện đại, trở thành cơ sở giết mổ tập trung quy mô công nghiệp, được trang bị thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại, đảm bảo quy trình giết mổ khép kín, an toàn, gắn với vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Nghiên cứu khôi phục, nâng cấp và khai thác hiệu quả Nhà máy chế biến súc sản Mitraco; thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư, vận hành nhằm phát triển chế biến sâu các sản phẩm thịt, hình thành chuỗi liên kết từ chăn nuôi – giết mổ – chế biến – tiêu thụ trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng phần mềm quản lý giết mổ và truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm. Tăng cường các hoạt động quản lý hoạt động giết mổ nhằm bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh theo quy định.

- Tăng cường kết nối tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi với các bếp ăn tập thể, khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là Khu kinh tế Vũng Áng, nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ ổn định cho các sản phẩm chăn nuôi.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu sản phẩm chăn nuôi chủ lực, có lợi thế của tỉnh như nhung hươu, mật ong, gà thả vườn Tăng cường áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, an toàn thực phẩm; mở rộng kênh tiêu thụ

qua hệ thống phân phối hiện đại, thương mại điện tử. Gắn phát triển chăn nuôi với xây dựng sản phẩm OCOP, phát triển du lịch nông nghiệp và dịch vụ.

4. Nhiệm vụ, giải pháp về khoa học công nghệ và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong giống vật nuôi, chuồng trại, thức ăn, xử lý chất thải, phòng chống dịch bệnh.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý đàn vật nuôi, theo dõi dịch bệnh, kiểm soát giết mổ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp, trang trại áp dụng phần mềm quản lý chăn nuôi, tự động hóa trong sản xuất, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh tế.

5. Nhiệm vụ, giải pháp về công tác quản lý nhà nước

- Tổ chức quản lý hoạt động chăn nuôi bảo đảm tuân thủ Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan; kiểm soát chặt chẽ điều kiện chăn nuôi, khoảng cách an toàn, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật trong chăn nuôi; kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý nhà nước về thú y từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm đủ năng lực tổ chức triển khai nhiệm vụ. Tăng cường giám sát dịch bệnh chủ động, phát hiện sớm, xử lý kịp thời, không để dịch bệnh lây lan trên diện rộng. Tổ chức tiêm phòng đầy đủ, đúng quy trình kỹ thuật, đạt tỷ lệ bao phủ cao đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn vật nuôi. Thực hiện nghiêm công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt và bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương và người chăn nuôi trong phòng, chống dịch bệnh.

6. Nhiệm vụ, giải pháp đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất

- Rà soát, bố trí và quản lý hiệu quả quỹ đất chăn nuôi tập trung theo quy định của Luật Đất đai; ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu (đường giao thông, điện, cấp thoát nước) tại các khu vực đã và đang hình thành các trang trại chăn nuôi bảo đảm phục vụ các nhu cầu sản xuất.

- Tổ chức rà soát, đánh giá hệ thống các cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn, theo nguyên tắc quy mô hợp lý, phân vùng hợp lý. Ưu tiên nguồn lực nâng cấp, cải tạo cơ sở giết mổ tập trung nhằm từng bước nâng cao điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm tại các cơ sở giết mổ tập trung. Hỗ trợ phát triển và kết nối bảo đảm nguồn nguyên liệu đầu vào cho các cơ sở giết mổ tập trung nhằm đảm bảo tính bền vững cho hoạt động cơ sở giết mổ tập trung.

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi ứng dụng mô hình chuồng kín, đầu tư trang thiết bị chuồng trại hiện đại phù hợp với từng loại vật nuôi và loại hình chăn nuôi; đầu tư hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

VII. Khái toán nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026-2030

- Lồng ghép các chương trình, dự án ngân sách Trung ương
- Nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách tỉnh, xã: Thực hiện chính sách chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh dự kiến: 216 tỷ đồng;
- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư phát triển chăn nuôi: 1.000 tỷ đồng.

VIII. Danh mục các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư

- (1). Nâng cao năng lực sản xuất giống vật nuôi quy mô công nghiệp.
- (2). Nghiên cứu, chuẩn hóa công tác giống, quy trình chăn nuôi, khai thác nhung và đánh giá giá trị dược liệu của nhung hươu, làm cơ sở phát triển các sản phẩm chế biến sâu và nâng cao giá trị ngành hàng hươu sao.
- (3) Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, tuần hoàn tạo sản phẩm hàng hoá theo chuỗi giá trị bền vững với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm

IX. Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách về phát triển chăn nuôi và tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả; theo dõi, kiểm tra, giám sát và tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ trì rà soát, tham mưu bố trí quỹ đất phát triển chăn nuôi tập trung theo quy định; cập nhật vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch hằng năm. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi, giết mổ và chế biến; bảo đảm phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường bền vững.

- Sở Tài chính: tham mưu bố trí, cân đối nguồn vốn, hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định; tham mưu xúc tiến, thu hút đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, giết mổ, chế biến và phát triển chuỗi giá trị; đề xuất danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư giai đoạn 2026-2030; phối hợp lồng ghép các nội dung của Đề án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; hướng dẫn, hỗ trợ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Sở Khoa học và công nghệ: Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ trong chăn nuôi, thú y, chế biến và truy xuất nguồn gốc. Hỗ trợ xây dựng, bảo hộ và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu; áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thúc đẩy chuyển đổi số trong chăn nuôi.

- Sở Công thương: Tổ chức xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, nhất là sản phẩm sau giết mổ, chế biến. Hỗ trợ đưa sản phẩm chăn nuôi vào hệ thống phân phối hiện đại và thương mại điện tử.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển chăn nuôi phù hợp với điều kiện địa phương; quản lý hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật. Rà soát, bố trí quỹ đất chăn nuôi tập trung; tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường và kiểm soát giết mổ. Huy động, lồng ghép nguồn lực và thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi trên địa bàn.

- Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện: Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, các địa phương và cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện. Kịp thời phản ánh những tồn tại bất cập đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện./.

CHI CỤC TRƯỞNG

Trần Hùng